

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/DS-ST
Ngày: 27/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chí
2. Ông Nguyễn Văn Soan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; Trụ sở: Số B đường N, Phường M, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà KPã H'M (Giấy ủy quyền số 149/UQ-QLN.21 ngày 05/3/2021); có đơn xin vắng mặt.
2. Bà Bùi Anh C (Giấy ủy quyền số 1093/UQ-QLN.21 ngày 24/6/2022); có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh K ; địa chỉ: Số B đường số M, Phường T, quận G, TP. Hồ Chí Minh ; vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Xuân T, địa chỉ: Số B đường số M, Phường T, quận G, TP. Hồ Chí Minh; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á Châu và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà KPã H'M trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần A (Sau đây được viết tắt là Ngân hàng) có cấp tín dụng cho ông Nguyễn Anh K, theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số TSN.CN.01240613 (Sau đây được viết tắt là Hợp đồng) ngày 24/6/2013 mà ông K đã ký, số tài khoản vay 161821509. Nội dung Hợp đồng thỏa thuận cụ thể, Ngân hàng cấp tín dụng cho ông K vay là 80.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền, mục đích cho vay tiêu dùng, phương thức cho vay từng lần, lãi suất trong hạn là 12,24%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khoản nợ vay của ông K đã được bà Trần Xuân T là vợ ông K ký giấy cam kết trả nợ ngày 24/6/2013 với nội dung, nếu như bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bên cam kết đồng ý trả nợ thay cho bên được cấp tín dụng. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các khoản phải thanh toán khác.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 80.000.000 đồng cho ông K. Ông K đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 39.996.000 đồng và tiền lãi 14.688.000 đồng, tiền phạt chậm thanh toán là 200.000 đồng. Kể từ ngày 24/01/2015 ông K không trả thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản nợ nào, mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/4/2015 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ còn lại chưa thanh toán đối với ông K, ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 01/5/2015. Tạm tính đến ngày 27/6/2022 ông K còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 96.789.333 đồng, trong đó nợ gốc là 40.004.000 đồng, lãi trong hạn 3.454.400 đồng, lãi quá hạn 53.330.933 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông K thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 28/6/2022 ông K phải tiếp tục trả khoản nợ lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Thứ tự trả nợ: Vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Trường hợp, ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị Xuân T có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ theo giấy cam kết ngày 24/6/2013.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa án bà KPã H'M là người đại diện cho nguyên đơn có yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền phạt vi phạm/trễ kỳ số tiền là 800.000 đồng. Tại phiên tòa, bà C là người đại diện nguyên đơn rút lại phần yêu cầu này, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là ông Nguyễn Anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Xuân T tại địa chỉ số B đường số M, Phường T, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng ông K và bà T không đến Tòa trong các buổi mời làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của ông K và bà T, Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do ông K và bà T cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 07/4/2022 và ngày 06/5/2022 và gửi cho ông K và bà T thông báo kết quả các phiên họp (Đính kèm theo thông báo là các tài liệu, chứng cứ được công bố tại phiên họp, trừ hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng). Do ông K và bà T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Bà C yêu cầu ông K thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng TSN.CN.01240613 ngày 24/6/2013 với tổng số tiền là 96.789.333 đồng và thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/7/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp, ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Trần Thị Xuân T có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ theo giấy cam kết ngày 24/6/2013.

Bà bà C rút lại một phần yêu cầu đối với bị đơn về khoản tiền phạt vi phạm/trễ kỳ 800.000 đồng. Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà KPã H'M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Anh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Xuân T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tòa án căn cứ điểm a và b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bà KPã H'M, ông K và bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tổng đạt cho đương sự, tiến hành phiên hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát đảm bảo thời hạn, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng tín dụng trả góp số TSN.CH.01240613 ngày 24/6/2013, theo đó Ngân hàng cho ông Nguyễn Anh K vay 80.000.000 đồng. Ngày 01/4/2015 Ngân hàng ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ vay chưa thanh toán. Căn cứ bản tóm tắt sao kê giao dịch của Ngân hàng cung cấp thể hiện bị đơn có thực hiện giao dịch với Ngân hàng. Tính đến ngày 27/6/2022 ông K còn nợ số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc là 40.004.000 đồng, lãi trong hạn 3.454.400 đồng, lãi quá hạn 53.330.933 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng trả góp số TSN.CH.01240613 ngày 24/6/2013 do vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với phạt vi phạm/trễ kỳ, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái quy định pháp luật vì vậy có cơ sở xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc ông Nguyễn Anh K thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2022 gồm nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo hợp đồng tín dụng trả góp số TSN.CH.01240613 ngày 24/6/2013 giữa Ngân hàng và ông K. Ông K tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cho Ngân hàng thì bà Trần Thị Xuân T có nghĩa vụ trả thay cho ông K các khoản nợ trên, theo giấy cam kết về việc trả nợ ghi ngày 24/6/2013 giữa bà T và ông K.

Đình chỉ yêu cầu phạt vi phạm/trễ kỳ số tiền 800.000 đồng.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Anh K trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số TSN.CN.01240613 ngày 24/6/2013, tạm tính đến ngày 27/6/2022 là 96.789.333 đồng. Trường hợp ông K không thanh

toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu bà Trần Thị Xuân T trả thay theo giấy cam kết ngày 24/6/2022 bà T đã ký. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 8, quận Gò Vấp thể hiện “*Ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1980 có HKTT tại số B đường số M, Phường T, quận G. Thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, nhà bán vào năm 2014, đi đâu không rõ*”. Như vậy, ông K và bà T thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông K và bà T trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng tín dụng, việc ông K thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

[2] Bà KPã H'M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Anh K là bị đơn và bà Trần Thị Xuân T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà KPã H'M, ông K và bà T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Anh K thanh toán đối với khoản nợ vay và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng TSN.CN.01240613 ngày 24/6/2013. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng trả góp số TSN.CN.01240613 ngày 24/6/2013 (số tài khoản vay: 161821509); Phiếu giải ngân ngày 24/6/2013; bảng sao kê giao dịch; các bảng tính lãi theo tài khoản áp dụng mức lãi suất theo hợp đồng; giấy cam kết trả nợ ngày 24/6/2013 và các tài liệu, chứng cứ khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Anh K có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng ngày 24/6/2013. Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền, mục đích cho vay tiêu dùng, phương thức cho vay từng lần, lãi suất trong hạn là 12,24%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu), lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy*

định của pháp luật” và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông K vay số tiền là 80.000.000 đồng, theo phiếu giải ngân ngày 24/6/2013. Đối chiếu bản sao kê giao dịch và các tài liệu, chứng cứ khác do Ngân hàng cung cấp, thể hiện ông K đã thanh toán cho Ngân hàng được số nợ gốc là 39.996.000 đồng và tiền lãi 14.688.000 đồng, tiền phạt chậm thanh toán là 200.000 đồng. Kể từ ngày 24/1/2015 ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/4/2015 Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ số nợ còn lại chưa thanh toán. Ngày 01/5/2015 Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với ông K. Ngày 05/3/2021 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ông K không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông K đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trên cho thấy ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Trần Thị Xuân T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông K toàn bộ khoản nợ theo giấy cam kết ngày 24/6/2013, trong trường hợp ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Bà T không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hay phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ theo giấy cam kết ngày 24/6/2022 có nội dung bên cam kết đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng với Ngân hàng khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với Điều 361 bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, ông Nguyễn Anh K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với khoản tiền phạt/trễ kỳ. Tại phiên tòa, bà C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền phạt/trễ kỳ là 800.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử

một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản tiền phạt/trễ kỳ là 800.000 đồng .

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Anh K thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến 27/6/2022 với tổng số tiền là 96.789.333 đồng, trong đó nợ gốc là 40.004.000 đồng, lãi trong hạn 3.454.400 đồng, lãi quá hạn 53.330.933 đồng, theo Hợp đồng tín dụng TSN.CN.01240613 ngày 24/6/2013. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thứ tự trả nợ: Vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Kể từ ngày 28/6/2022, ông K phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Anh K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Trần Thị Xuân T có nghĩa vụ trả thay ông K số nợ trên cho Ngân hàng TMCP A theo giấy cam kết ngày 24/6/2013 đã ký giữa các bên.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền phạt/trễ kỳ là 800.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) là 4.839.466 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.527 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0028459 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các Điều 361, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Nguyễn Anh K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/6/2022 là 96.789.333 đồng (Chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 40.004.000 đồng, lãi trong hạn 3.454.400 đồng, lãi quá hạn 53.330.933 đồng, theo Hợp đồng tín dụng TSN.CN.01240613 ngày 24/6/2013. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thù tự trả nợ: Vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Kể từ ngày 28/6/2022 ông K phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Anh K không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Trần Thị Xuân T có nghĩa vụ trả thay ông K số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A, theo giấy cam kết ngày 24/6/2013 đã ký giữa các bên.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền phạt/trễ kỳ là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Anh K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.839.466 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.175.527 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0028459 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thành Huế